TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-ST
Ngày: 30 – 9 – 2021
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Huỳnh Sinh
2. Ông Trần Hoàng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Minh Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021**,** tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266 – 268 đường N, phường X, quận Y, thành phố HC.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D– Chức danh: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Đoan T– Chức danh: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Ninh Thuận (Theo Văn bản ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020)

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Đức K – Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh Ninh Thuận (Theo Văn bản ủy quyền số: 42/2021/CNNT-GUQ ngày 29/3/2021). (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 48/167 đường 21/8, Khu phố J, phường PM, thành phố P, Ninh Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn - ông Phạm Đức K trình bày:

Ngày 07/6/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) có ký với ông Nguyễn Phi H Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Phi H, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng quốc tế JCB với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, lãi suất 2.5%/tháng; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, vào ngày 06/8/2019 thay đổi lãi suất thành 2.6%/tháng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Nguyễn Phi H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 13.600.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Nguyễn Phi H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thể tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày được kích hoạt thẻ cho đến nay, ông Nguyễn Phi H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 9.526.265 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước
+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
+ Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ
+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Do ông Nguyễn Phi H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 22/01/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 11.842.482 đồng sang nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 3.9%/tháng (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 30/9/2021, ông Nguyễn Phi H còn nợ Ngân hàng số tiền 15.706.627 đồng. Trong đó nợ gốc 11.842.482 đồng, lãi quá hạn 3.864.145 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phi H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số nợ trên bao gồm nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 30/9/2021 là 15.706.627 đồng (Trong đó nợ gốc 11.842.482 đồng, lãi quá hạn 3.864.145 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Nguyễn Phi H, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng ông H vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không có lý do, không có bất kỳ ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn ông Nguyễn Phi H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông H tiếp tục vắng mặt. Do vậy, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Phi H phải trả cho Ngân hàng số nợ tính đến hết ngày 30/9/2021 là 15.706.627 đồng (Trong đó nợ gốc 11.842.482 đồng, nợ lãi quá hạn 3.864.145 đồng) và tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phi H trả lại số tiền đã vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng, đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Khu phố J, phường PM, thành phố P, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm đã thông báo thụ lý vụ án, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là ông Nguyễn Phi H đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Điều này chứng tỏ, bị đơn đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào các Điều 6, 91, 96, 199 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; cùng với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu ông Nguyễn Phi H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2021 là 15.706.627 đồng (Trong đó: Nợ gốc 11.842.482 đồng, lãi quá hạn 3.864.145 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 07/6/2019 và Bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế JCB với hạn mức sử dụng là 10.000.0000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Chủ thể ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, hình thức, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 07/6/2019 là hợp pháp, có hiệu lực.

- Về mức lãi suất: Ngân hàng áp dụng mức lãi suất thỏa thuận trong hạn 2.5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, vào ngày 06/8/2019 thay đổi lãi suất thành 2.6%/tháng. Mặc dù mức lãi suất không quy định cụ thể trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng tuy nhiên ngân hàng đã niêm yết công khai mức lãi suất tại thời điểm cho vay đối với hình thức sử dụng thẻ tín dụng, ông H đã biết và thanh toán tiền gốc và lãi từ ngày ký hợp đồng đến ngày 22/09/2020 mà không khiếu nại gì. Xét thấy, mức lãi suất Ngân hàng áp dụng để tính lãi nợ vay của ông H là sự thoả thuận giữa hai bên phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

- Về phí dịch vụ thẻ: Tại Điều 6 Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 về việc ban hành Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ Ngân hàng quy định:

"1. Chủ thẻ phải trả phí cho việc sử dụng dịch vụ thẻ. Loại phí và mức phí do TCPHT quy định tùy thuộc vào loại thẻ sử dụng, dịch vụ mà chủ thẻ được cung ứng khi sử dụng thẻ và không trái với quy định của pháp luật.

2. Các loại phí và mức phí khác liên quan đến dịch vụ thẻ do TCPHT, TCTTT, ĐVCNT, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán bù trừ giao dịch thẻ và tổ

chức chuyển mạch thẻ phải trả hoặc được trả do các bên liên quan thoả thuận không trái với quy định của pháp luật.

3. TCPHT, TCTTT phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ."

Như vậy, căn cứ Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng cung cấp quy định cụ thể về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ, căn cứ các biểu phí đã được Ngân hàng niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng với bị đơn thì các loại phí do ngân hàng áp dụng đối với hợp đồng tín dụng của bị đơn đã được thoả thuận giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

- Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc: Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Phi H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 13.600.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 9.526.265 đồng. Sau khi trừ hết các khoản theo quy định trong quá trình sử dụng thẻ thì ông H còn nợ số tiền gốc là 11.842.482 đồng.

- Đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi: Ông H sử dụng thẻ từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 9 năm 2020 có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến tháng 10 năm 2020 ông H ngưng thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông H không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 22/01/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 11.842.482 đồng là 3.9% (150% lãi suất trong hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính từ ngày 23/01/2021 đến ngày 30/9/2021, số tiền lãi quá hạn là: 3.864.145 đồng.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005), quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn".

Căn cứ khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định như sau: "Tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ" và quy định nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: "Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ".

Xét điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định tại Điều 2 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ.

Xét Thông báo về việc thay đổi lãi suất thẻ tín dụng quốc tế JCB của Ngân hàng, từ ngày 31/12/2013 đến ngày ký hợp đồng là ngày 07/6/2019 mức lãi suất được áp dụng đối với loại thẻ này là 2.5%/tháng; Vào ngày 06/8/2019 lãi

suất được thay đổi là 2.6%/tháng (*ban hành kèm theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S*) và lãi suất 2.6%/tháng được áp dụng cho đến ngày chấm dứt hợp đồng. Ngày 23/01/2021, Ngân hàng đã chấm dứt việc sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, với mức lãi suất quá hạn 3.9%/tháng (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Theo Công văn 318/NTH ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh tỉnh Ninh Thuận về việc cung cấp thông tin xử lý tranh chấp hợp đồng tín dụng cho biết "Quyền và nghĩa vụ của khách hàng và ngân hàng cũng như cách tính lãi đã được quy định rõ trong điều khoản, điều kiện phát hành thẻ tín dụng kèm theo hợp đồng sử dụng thẻ. Vì vậy, mức lãi suất và cách tính lãi cho vay trong hoạt động cấp tín dụng do ngân hàng và khách hàng thỏa thuận là phù hợp với quy định của pháp luật".

Xét việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã áp dụng mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và cách tính các khoản lãi dựa vào các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng đối với khách hàng là phù hợp các quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của tổ chức tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S buộc ông Nguyễn Phi H phải trả nợ tính đến ngày 30/9/2021 số tiền là 15.706.627 đồng, trong đó nợ gốc 11.842.482 đồng, nợ lãi quá hạn 3.864.145 đồng và khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 01/10/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Buộc ông Nguyễn Phi H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2021 là 15.706.627đ (*Mười lăm triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng*). Trong đó: Nợ gốc 11.842.482đ (*Mười một triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng*); Nợ lãi quá hạn 3.864.145đ (*Ba triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng*).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Phi H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 07/6/2019 và bản Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ vay. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Phi H phải chịu 785.331^{đ} (*Bảy trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi mốt đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 320.000^{đ} (*Ba trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0025621 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện hợp pháp của Nguyên đơn, quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.PRTC;
- CCTHADS TP.PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đường Nguyễn Thanh Thảo